

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số : 02/MQMK/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

- Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TM-DV MINH QUANG MEKONG
- Địa chỉ: Số 125, Lê Thị Riêng, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại: 0277.655 77 99
- Email: thehiendang@gmail.com
- Mã số doanh nghiệp: 1401973470

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. **Tên sản phẩm:** Nước uống đóng chai JINSEI
2. **Thành phần:** Nước 100% qua lọc RO phù hợp tiêu chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai)
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
  - Chai pet 350ml
  - Chất liệu bao bì: chai nhựa, nắp, vòi phù hợp QCVN về bao bì thực phẩm.
  - Được đóng thùng carton 24 chai
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản phẩm của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUANG  
MEKONG

- Địa chỉ: Số 125, Lê Thị Riêng, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại: 0277.655 77 99

Được sản xuất tại CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HAWAI

- Địa chỉ: Số 18 đường Hồ Văn Mên, Khu phố An Phú, phường Thuận An, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, số ISO 22000:2018: GOODVN34823.FSMS ngày cấp 14/08/2023 được cấp bởi Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc Gia GOOD Việt Nam
- Theo hợp đồng gia công số: 04/2025/OEM



- Xuất xứ: Việt Nam

### III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HAWAI sản xuất nước uống đóng bình, đóng chai đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai QCVN 6-1:2010/BYT của Bộ y Tế.

| STT | Tên chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|---------------|-------------|------------|
| 1   | Stibi, mg/l   | mg/l        | 0.02       |
| 2   | Arsen, mg/l   | mg/l        | 0.01       |
| 3   | Bari, mg/l    | mg/l        | 0.7        |
| 4   | Bor, mg/l     | mg/l        | 0.5        |
| 5   | Bromat, mg/l  | mg/l        | 0.01       |
| 6   | Cadmi, mg/l   | mg/l        | 0.003      |
| 7   | Clor, mg/l    | mg/l        | 5          |
| 8   | Clorat, mg/l  | mg/l        | 0.7        |
| 9   | Clorit, mg/l  | mg/l        | 0.7        |
| 10  | Crom, mg/l    | mg/l        | 0.05       |
| 11  | Đồng, mg/l    | mg/l        | 2          |
| 12  | Cyanid, mg/l  | mg/l        | 0.07       |
| 13  | Fluorid, mg/l | mg/l        | 1.5        |
| 14  | Chì, mg/l     | mg/l        | 0.01       |
| 15  | Mangan, mg/l  | mg/l        | 0.4        |

|    |                                   |           |       |
|----|-----------------------------------|-----------|-------|
| 16 | Thủy ngân, mg/l                   | mg/l      | 0.006 |
| 17 | Molybden, mg/l                    | mg/l      | 0.07  |
| 18 | Nickel, mg/l                      | mg/l      | 0.07  |
| 19 | Nitrat, mg/l                      | mg/l      | 50    |
| 20 | Nitrit, mg/l                      | mg/l      | 3     |
| 21 | Selen, mg/l                       | mg/l      | 0.01  |
| 22 | Hoạt độ phóng xạ a, Bq/l          | Bq/l      | 0.5   |
| 23 | Hoạt độ phóng xạ b, Bq/l          | Bq/l      | 1     |
| 24 | E. coli hoặc coliform chịu nhiệt  | Cfu/250ml | 0     |
| 25 | Coliform tổng số                  | Cfu/250ml | 0     |
| 26 | Streptococci feacal               | Cfu/250ml | 0     |
| 27 | Pseudomonas aeruginosa            | Cfu/250ml | 0     |
| 28 | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit | Cfu/250ml | 0     |



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

**Đồng Tháp, Ngày 04 tháng 08 năm 2025**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

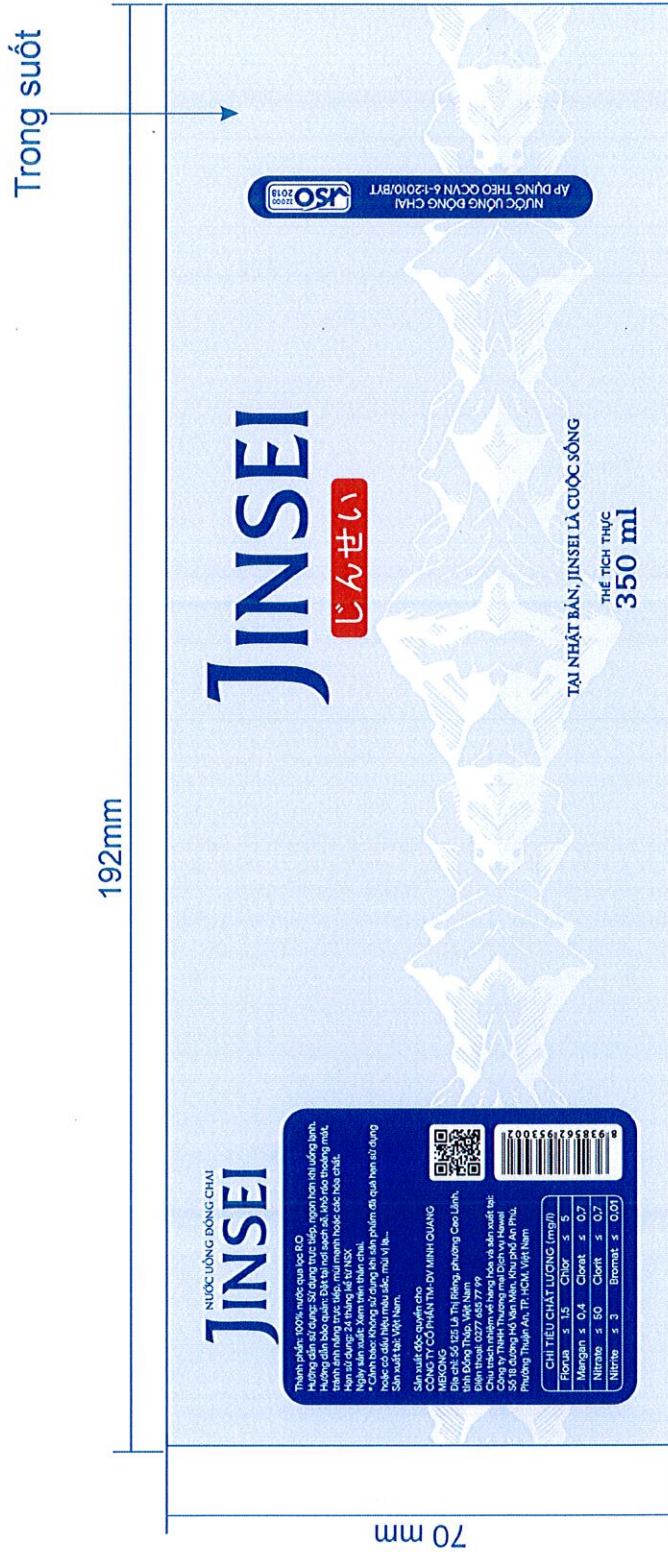
*(Ký tên, đóng dấu)*



*Dặng Thế Hiền*



31/07/2025



31/07/2025